

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/DSST

Ngày: 28/5/2020

V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quảng Thái, ông Đỗ Phụng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thanh Nhân, thư ký
Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà
Hoàng Thị Diệu N- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm
công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2019/TLST- DS ngày 23 tháng 9 năm 2019,
về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số:
95/2019/QĐXX-ST ngày 06/12/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1971 (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: Tổ 14, phường Phan Đình Phùng, thành phố TN, tỉnh TN

2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh
năm 1985 (*Có mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: Tổ 8, phường Quang Trung, thành phố TN, tỉnh TN

3. Bị đơn: Bà Nông Thu H, sinh năm 1977; ông Ngô Thế C, sinh năm 1977
(*Đều vắng mặt tại phiên tòa*)

Đều có địa chỉ: Số nhà 35, tổ 11(Nay là tổ 7), phường Phan Đình Phùng,
thành phố TN, tỉnh TN

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nông Thị Bích Ngọc, sinh năm
1987 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: Tổ 5, phường Quang Trung, thành phố TN, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Vũ Đình T trình bày:

Năm 2012, chị Nông Thu H gặp tôi để hỏi mượn vay một số tiền dùng cho
việc làm ăn kinh doanh. Do có quen biết chị H từ trước, nên tôi đã tin tưởng cho chị
H vay 03 lần với tổng số tiền là 889.000.000 đồng (*Tám trăm tám mươi chín triệu
đồng chẵn*).Cả ba lần vay tiền này đều có giấy nhận vay tiền ghi rõ số tiền vay và
ngày hẹn trả, có chữ ký đầy đủ của hai bên. Cụ thể như sau:

- Ngày 15/02/2012(Lần 1): Chị H, anh C viết giấy nhận vay nợ với số tiền vay là: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng chẵn*) và hẹn đến ngày 15/03/2012 sẽ thanh toán đầy đủ cho tôi.

- Ngày 11/4/2012 (Lần 2): Chị H tiếp tục vay thêm của tôi 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*). Giấy vay nợ lập ngày 11/4/2012 và hẹn đến 11/5/2012 sẽ thanh toán đầy đủ.

- Ngày 21/10/2012 (Lần 3): Tuy chưa trả bất kỳ một khoản tiền nào cho cả hai lần vay trước đó, nhưng chị H vẫn đến gặp tôi, trình bày hoàn cảnh và mong muốn vay thêm 189.000.000 (*Một trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn*) để lo công việc. Tôi đồng ý cho chị H vay và viết giấy hẹn đến ngày 21/12/2012 chị H phải thanh toán đầy đủ cho tôi.

Tuy nhiên, cho đến nay mặc dù đã nhiều lần yêu cầu chị H, anh C trả lại toàn bộ số tiền sau 03 lần vay là 889.000.000 đồng (*Tám trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn*) đã vay cho tôi, nhưng chị H vẫn cố tình tìm cách trốn tránh không trả.

Quá trình giải quyết chị H anh C cho rằng trong tổng số 889.000.000đồng đã vay của tôi có cả phần chị Nông Thị Bích Nvay trong đó là không đúng và không có căn cứ.

Năm 2013, tôi có ủy quyền cho anh C thay mặt tôi để đòi nợ chị Nvì vậy tôi đã giao giấy tờ vay nợ, giấy hẹn trả nợ giữa tôi và chị Nvì vậy anh C mới có giấy vay nợ và giấy hẹn trả nợ giữa tôi và chị Ngọc.

Tôi khẳng định việc vay nợ giữa tôi và chị Nkhông liên quan đến việc vay nợ giữa tôi và chị H, anh C.

Nhận thấy quyền và lợi ích chính đáng của mình đang bị xâm phạm nghiêm trọng do chị Nông Thu H, anh Ngô Thế C cố tình không trả lại tài sản theo đúng thỏa thuận vay tiền hợp pháp trước đó, nay tôi viết đơn này, yêu cầu khởi kiện chị Nông Thu H, anh Ngô Thế C ra Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên. Yêu cầu:

- Buộc chị Nông Thu H, anh Ngô Thế C hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay tôi trong năm 2012. Tổng số tiền cho cả ba lần vay là : 889.000.000 đồng (*Tám trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn*). Và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Bà Nông Thu H, ông Ngô Thế C trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

- Ý kiến của chị H: Tôi có bảo lãnh cho chị Nông Thị Bích Nvay của anh T 500.000.000đ, trong vòng 01 tháng đầu chị Nhẹn hết tháng để trả số tiền lãi, tôi với anh T đi tìm chị Nnhưng không thấy, tôi đã phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi tháng đầu tiên cho anh T là 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Từ đó đến nay chị Nđã đi khỏi địa pH, không biết đi đâu, anh T yêu cầu tôi phải đứng ra trả số tiền cả gốc và lãi thay cho chị Ngọc. Anh T yêu cầu tôi ký vào 02 giấy vay nợ; 01 giấy vay tiền với số tiền 220.000.000đ; 01 giấy vay là 189.000.000đ. Tôi xác định tôi không được vay số tiền trên của anh T do vậy tôi không chấp nhận yêu cầu của anh T.

- Ý kiến của anh C: Khoản vay 500.000.000đ của chị H bảo lãnh cho chị Nvay tiền của anh T một thời gian sau tôi mới biết. Anh T đã đi tìm chị Nkhông

thấy, anh T ủy quyền cho tôi làm việc với Công an thành phố và Tòa án nhân dân thành phố TN về việc đòi chị N trả số tiền đã vay của anh T. Sau đó yêu cầu tôi ký vào giấy vay tiền của chị H với anh T do vậy tôi đã ký tên vào giấy vay tiền trên. Tôi xác định tôi không được vay số tiền trên của anh T do vậy tôi không chấp nhận yêu cầu của anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị Bích Ntringh bày:

1. Về Giấy hẹn trả tiền lần 6 ngày 01/10/2012 tôi có vay của anh Vũ Đình T số tiền 850.000.000 đồng Giấy này do chị Nông Thu H cung cấp cho Tòa án là do tôi viết và ký đưa cho chị H. Nhưng trên thực tế tôi không được vay và nhận tiền của anh Vũ Đình T mà do chị H ép tôi viết do lỗi mẹ đẻ lỗi con hàng tháng không có tiền trả cho chị H về việc tôi vay tiền trước đây và gia đình tôi đã thanh toán giải quyết xong. Tôi hoàn toàn không liên quan gì đến chị H nữa;

2. Việc giữa tôi và anh Vũ Đình T không liên quan gì đến nhau và chưa bao giờ tôi biết đến anh T là ai, chưa một lần nào được vay tiền của anh T;

3. Việc anh Vũ Đình T khởi kiện chị Nông Thu H, anh Ngô Thế C số tiền 889.000.000 đồng không liên quan gì đến tôi.

Nay Tòa án giải quyết vụ án mà anh Vũ Đình T khởi kiện chị H, anh C về việc tranh chấp số tiền 889.000.000 đồng là không liên quan gì đến tôi. Đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Do tôi không liên quan gì đến việc khởi kiện của anh T đối với chị H, anh C cho nên tôi xin từ chối đến làm việc những lần tiếp theo tại Tòa và đề nghị Tòa án căn cứ vào lời trình bày của tôi để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị H, anh C trả lại toàn bộ số tiền sau 03 lần vay là 889.000.000 đồng (*Tám trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn*) và tính lãi suất theo quy định của pháp luật;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ-ợc thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Đình T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C, chị H trả nợ. Đây thuộc loại việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463

Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN.

Về sự vắng mặt của Bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa cho chị H, anh C theo quy định của pháp luật;

Về sự vắng mặt của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nông Thị Bích Ngọc đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử thấy:

- Giấy nhận vay tiền ngày 15/02/2012 (Lần 1): Chị Nông Thu H, anh Ngô Thế C vay anh Vũ Đình T số tiền là: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng chẵn*) thời hạn vay đến ngày 15/03/2012;

- Giấy vay tiền ngày 11/4/2012 (Lần 2): Chị Nông Thu H vay anh Vũ Đình T số tiền là : 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) thời hạn vay đến ngày 11/5/2012;

- Giấy nhận vay tiền ngày 21/10/2012 (Lần 3): Chị Nông Thu H vay anh Vũ Đình T số tiền là: 189.000.000 (*Một trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn*) thời hạn vay đến ngày 21/12/2012.

Tại lần xét xử sơ thẩm lần 01 do nghi ngờ về chữ ký và chữ viết và thời gian viết, ký trong giấy vay tiền ngày 15/02/2012, anh C có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký.

Tại quyết định trưng cầu giám định số 05/2018/DS-QĐTCGD ngày 28/8/2018 Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của anh Ngô Thế C.

Tại kết luận giám định số 288/C09-P5 ngày 05/10/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “ Chữ ký, chữ viết đứng tên Ngô Thế C dưới mục “NGƯỜI VAY TIỀN” trên mẫu cần giám định ký hiệu là A so với chữ ký, chữ viết của Ngô Thế C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 do cùng một người ký và viết ra”.

Kèm theo kết luận giám định là công văn số: 288A/C09-P5 ngày 30/9/2018 của Viện khoa học hình sự về việc từ chối giám định thời điểm ký, viết .

Tại lần xét xử Phúc thẩm lần 01 Tòa án nhân dân tỉnh TN đã nhận định về giấy viết tay Giấy hẹn trả tiền (lần 6) ngày 01/10/2012 có nội dung: Chị Nông Thị Bích Ngọc của anh Vũ Đình T số tiền 850.000.000 đồng do anh Ngô Thế C đã cung cấp và cho rằng không đưa chị Nông Thị Bích Ngọc vào tham gia tố tụng; Cho đối chất để làm rõ thực chất việc vay nợ do ai là người trực tiếp vay, ai là người nhận tiền, các khoản nợ có liên quan đến nhau không? Lý do vì sao anh C lại có Giấy nhận nợ gốc, thể hiện chị Nhận nợ với anh T, lý do vì sao anh T ủy quyền cho anh C đi khởi kiện đòi nợ chị Ngọc. Ngoài ra chi phí về giám định: Tòa án cấp sơ thẩm thu của anh C tiền tạm ứng chi phí giám định chưa xem xét xử lý.

Tại Phiên xét xử sơ thẩm lần 02 Tòa án đã đưa chị Nông Thị Bích Ngọc vào tham gia tố tụng, chị N trình bày:

1. Chị là người viết tờ giấy: Giấy hẹn trả tiền (lần 6) ngày 01/10/2012 chị vay của anh Vũ Đình T số tiền 850.000.000 đồng. Nhưng trên thực tế chị không được vay và nhận tiền của anh T mà do anh chị Nông Thu H ép chị viết vì chị không có tiền trả đã vay trước đây;

2. Việc anh Vũ Đình T khởi kiện chị Nông Thu H, anh Ngô Thế C số tiền 889.000.000 đồng không liên quan gì đến chị.

Nay Tòa án giải quyết vụ án mà anh Vũ Đình T khởi kiện chị H, anh C về việc tranh chấp số tiền 889.000.000 đồng là không liên quan gì đến tôi. Đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Do chị không gì đến việc khởi kiện của anh T đối với chị H, anh C cho nên chị xin từ chối đến làm việc những lần tiếp theo tại Tòa và đề nghị Tòa án căn cứ vào lời trình bày của tôi để giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm lần 02 Tòa án đã cho đối chất về việc liên quan đến Giấy hẹn trả tiền lần 6 ngày 01/10/2012, chị Nông Thu H, anh Ngô Thế C đều cho rằng có liên quan đến khoản nợ của anh Vũ Đình T, và việc chị Nông Thu H, anh Ngô Thế C cho rằng đứng ra bảo lãnh để chị Nông Thị Bích N vay số tiền nêu trên của anh T. Song chị H, anh C không cung cấp được tài liệu nào để chứng minh đến việc liên quan, cũng như bảo lãnh này. Do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Việc anh C có cung cấp cho Tòa án giấy hẹn trả nợ lần 6 ngày 1/10/2012 giữa chị N và anh T. anh T đã ủy quyền cho anh C đòi chị Ngọc. Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của chị Ngọc, anh T. chị N và anh T đều khẳng định khoản vay này không liên quan đến khoản vay 889.000.000 đồng anh T đang đòi chị H, anh C. Do vậy, đối với tài liệu anh C cung cấp (BL 66) không liên quan đến việc giải quyết của vụ án nên cần trả lại cho anh C.

Về chi phí về giám định: Anh C đã nộp 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định, số tiền này đã được cơ quan giám định chi phí hết số tiền anh đã nộp. Do yêu cầu phản bác của anh C không được chấp nhận nên anh phải chịu tiền chi phí cho việc giám định.

Căn cứ vào 03 giấy vay tiền của anh Vũ Đình T nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ cần được chấp nhận.

- Việc anh C, chị H vay của anh T 500.000.000 đồng trong giấy vay có chữ viết, chữ ký của chị H, anh C vì vậy xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc trách nhiệm của chị H và anh C.

- Đối với mã vay 200.000.000đ và mã vay 189.000.000 đồng không có chữ ký của anh C do vậy một mình chị H phải chịu trách nhiệm với khoản vay này.

[3]. Về lãi suất: Tòa án đã có công văn gửi Ngân hàng đề nghị cung cấp mức lãi suất, Ngân hàng đã có văn bản trả lời, vì vậy mức lãi suất được áp dụng theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Cụ thể được tính như sau:

* Khoản vay 500.000.000 đồng vay ngày 15/02/2012 đến ngày xét xử là: 99 tháng 13 ngày.

$500.000.000 \text{ đồng} \times 99 \text{ tháng} \times 0,75\% / \text{tháng} = 371.250.000 \text{ đồng}.$

13 ngày = 1.625.000đồng

372.875.000đồng – 43.500.000đồng = 329.375.000đồng

500.000.000đ + 329.375.000đ = **829.375.000 đồng**

* Khoản vay 200.000.000đồng vay ngày 11/4/2012 đến ngày xét xử là: 97 tháng 17 ngày.

200.000.000đ x 97 tháng x 0,75%/tháng = 145.500.000 đồng.

17 ngày = 850.000đồng

200.000.000đ + 146.350.000đ = **346.350.000 đồng**

* Khoản vay 189.000.000đồng vay ngày 21/10/2012 đến ngày xét xử là: 91 tháng 7 ngày

189.000.000đồng x 91 tháng x 0,75% /tháng = 128.992.500 đồng.

7 ngày = 330.750đồng

189.000.000đ + 129.323.250đ = **318.323.250 đồng**

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo: Anh C, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 146, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 463, 464, 465, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.2017.

- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đình T. Buộc anh Ngô Thế C và chị Nông Thu H phải có nghĩa vụ trả cho anh Vũ Đình T số tiền **829.375.000 đồng** (Tám trăm hai chín triệu, ba trăm bảy năm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); lãi là 329.375.000 đồng (Ba trăm hai chín triệu, ba trăm bảy năm nghìn đồng). Cụ thể mỗi người phải trả **414.687.500 đồng** (Bốn trăm mười bốn triệu, sáu trăm tám bảy nghìn, năm trăm đồng).

2. Buộc chị H phải trả cho anh Vũ Đình T số tiền **664.673.250 đồng**. Trong đó nợ gốc là 389.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi chín triệu đồng); nợ lãi là 275.673.250 đồng (Hai trăm bảy mươi năm triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

3. Hoàn trả lại anh Ngô Thế C Giấy hẹn trả tiền (lần 6) ngày 01/10/2012;

4. Về chi phí giám định: Anh Ngô Thế C phải chịu 5.000.000 đồng. Anh C đã nộp 5.000.000 đồng để chi phí giám định, số tiền này đã được cơ quan giám định chi phí hết;

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí: Buộc chị Nông Thu H phải nộp 44.380.822 đồng (Bốn mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc anh Ngô Thế C phải nộp 20.587.500 đồng (Hai mươi triệu, năm trăm tám bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho anh Vũ Đình T 19.335.000 đồng (Mười chín triệu, ba trăm ba mươi năm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003957 ngày 07/12/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

7. Về quyền kháng cáo: Đ-ơng sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa pH.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSNDTPTN;
- THADSTPTN;
- Đ-ơng sự;
- L- u HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đồng Huy Hưởng